

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5-TÂY NINH**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày 08 - 7 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài  
sản và hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Diệp Song Tiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé

Ông Trần Quang Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký toà án của Tòa  
án nhân dân khu vực 5- Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên  
tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2016/TLST-DS ngày 17 tháng  
11 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài  
sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng  
5 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, ấp F, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Văn L là  
luật sư của Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, Nguyễn Thị R, phường L, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Tấn L1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm  
1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là  
phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Người làm chứng:* Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà C, ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây  
Ninh).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2016 và quá trình xét xử, bà Trần Thị Kim O là nguyên đơn trình bày:*

Bà bán thức ăn chăn nuôi gà từ năm 2009 đến năm 2013 cho ông Nguyễn Tấn L1 với hình thức gói đầu, tức là bán thiếu cho ông L1 đến khi ông L1 bán gà thì trả tiền cho bà, khi giao thức ăn thì bà tự ghi sổ vì ông L1 không ký nhận sổ. Đến đầu năm 2013 thì ông L1 mượn 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), việc mượn tiền cũng không làm biên nhận, bán gà còn nợ 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng), bà tiếp tục bán thức ăn nuôi gà cho ông L1 và ông L1 mượn thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và tiền thức ăn là 79.564.000đ (bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Ông L1 tiếp tục nuôi hai bảy gà nòi và gà vàng khoảng 5.000 con, đến cuối năm 2013, khi bán gà thì bị dịch cúm và không bán được giá nhưng ông L1 vẫn trả tiền cho bà khi đối chiếu nợ thì ông L1 còn nợ tiền mua thức ăn nuôi gà là 217.226.000đ (hai trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và tiền mượn là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Bà nhiều lần gọi điện thoại cho ông L1 lên ký sổ thì ông L1 không ký nhận sổ, bà đến nhà thì ông L1 không chịu trả tiền, thách thức bà đi kiện.

Đến ngày 12 tháng 5 năm 2015 bà nhờ một người bạn hẹn ông L1 ra quán cà phê để cho bà gặp mặt thì ông L1 mới hứa trả cho bà mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng ông L1 không chịu ký vào giấy nợ, từ đó đến ngày 24 tháng 7 năm 2016, ông L1 trả cho bà chỉ được 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng). Mỗi tháng trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng ông L1 không trả đầy đủ. Do đó, bà khởi kiện buộc ông L1 trả 223.226.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi.

Về đoạn băng ghi âm ngày 14 tháng 5 năm 2015, bà nộp cho Tòa án có thời gian 8 phút, ở phút thứ 3, 4 thì ông L1 có xác nhận số tiền nợ mua thức ăn của bà là khoảng hai trăm mười bảy triệu và 30 triệu tiền mượn nữa. Cuộc nói chuyện trong đoạn băng ghi âm ở quán C có bà, ông L1 và ông T1.

*Bị đơn ông Nguyễn Tấn L1 trình bày:*

Ông có mua thức ăn nuôi gà của bà O từ năm 2009 đến năm 2013 với hình thức gói đầu, tức là bà O bán thiếu cho ông, đến khi ông bán gà thì trả tiền cho bà O đầy đủ, mới mua tiếp lần sau, ông nhận thức ăn không ký sổ, khi trả tiền không ký sổ. Ông có tự mở sổ theo dõi nhưng sau khi nuôi đợt gà, trả nợ xong cho bà O thì bỏ sổ, không còn giữ lại, đợt cuối cùng còn thiếu lại là 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng), còn khoảng tiền mượn 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là có hay không thì ông không nhớ rõ nhưng đối chiếu lại số tiền mượn và tiền thức ăn thì ông còn thiếu bà O 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng), ông yêu cầu bà O bán thức ăn gà cho ông nuôi tiếp nhưng bà O không bán nên ông còn nợ bà O số tiền là 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng), ông đã trả dần cho bà O là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng). Trả mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho bà O, ông còn nợ bà O số tiền là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Về đoạn băng ghi âm bà O nộp cho Tòa án là tiếng nói của ông, ông thừa nhận có nợ bà O số tiền mua thức ăn khoảng hai trăm mười bảy triệu và số tiền mượn bà O là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nữa. Sở dĩ, ông thừa nhận số nợ trên là do ông sợ có người công an hẹn ra nên thừa nhận đại. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà O, ông chỉ đồng ý trả 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Ông Nguyễn Mạnh T1 là người làm chứng trình bày: Trong đoạn băng ghi âm là tiếng nói của ông L1, ông L1 có thừa nhận còn nợ bà O là 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng) tiền mua thức ăn và số tiền mượn là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nữa.

*Tại biên bản đối chất ngày 04 tháng 4 năm 2018, các bên đương sự giữ nguyên nội dung lời trình bày.*

Quá trình tố tụng, phía bị đơn cho rằng: Việc ông L1 thừa nhận nợ của bà O là do ông Mươi L2 đe dọa.

Quá trình tố tụng bà Trần Thị Kim O yêu cầu tính lãi nhưng tại bản tự khai bổ sung ngày 07 tháng 7 năm 2025, bà Trần Thị Kim O xác định: Tổng số tiền bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L1 trả bà 223.226.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Toà án đã nhiều lần tiến hành lấy lời khai của ông Cù Khắc L3 nhưng ông L3 vắng mặt. Ông Cù Khắc L3 có đơn xin vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:*

Việc thụ lý và giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và quan hệ tranh chấp đúng theo các quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo theo khoản 1 Điều 203 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 75, 76 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa hôm nay giải quyết việc bà Trần Thị Kim O yêu cầu Tòa án buộc ông L1 trả cho bà số tiền là 223.226.000 đồng, gồm tiền bán thức ăn và tiền vay, yêu cầu ông L1 trả một lần không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả cho bà

số tiền 18.000.000 đồng.

Người làm chứng cho biết ông L1 còn nợ tiền bà O số tiền khoảng 217.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền vay.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Phía bị đơn vắng mặt không có lý do.

Viện kiểm sát nhận thấy, bà O và ông L1 đều thừa nhận bà O có bán thức ăn cho ông L1, việc mua bán mỗi bên tự ghi sổ, ông L1 không có ký nhận vào sổ ghi chép của bà O nên giữa hai bên không thống nhất về số tiền còn nợ. Căn cứ vào đoạn ghi âm của bà O giao nộp và biên bản đối chất ngày 19/7/2017 và ngày 04/4/2018 thể hiện ông L1 thừa nhận tiếng nói trong đoạn ghi âm là của ông, nội dung đoạn ghi âm, ông L1 cũng thừa nhận còn nợ bà O khoảng 217.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền vay. Ông L1 cho rằng do bà O nhờ Công an hẹn gặp mặt nên ông thừa nhận số nợ trên, tuy nhiên, khi được Tòa án hỏi tên địa chỉ người Công an thì ông L1 từ chối cung cấp. Do đó, căn cứ vào lời thừa nhận của ông L1 trong đoạn ghi âm ngày 14/5/2015, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 223.226.000 đồng, gồm tiền bán thức ăn và tiền vay.

Từ những phân tích trên căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim O và nơi cư trú của ông Nguyễn Tấn L1, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh tiếp tục giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Tấn L1, ông Nguyễn Trung T nhiều lần đến phiên tòa nhưng ông Nguyễn Tấn L1, ông Nguyễn Trung T vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Tấn L1, ông Nguyễn Trung T.

[3] Đối với ông Nguyễn Mạnh T1 vắng mặt nhưng đã có lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Mạnh T1.

[4] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì lời trình bày của bà Trần Thị Kim O và lời trình bày của ông Nguyễn Tấn L1 phù hợp với nhau, phù hợp với sổ ghi chép việc mua bán do bà O cung cấp

nên có cơ sở xác định: Bà Trần Thị Kim O có bán thức ăn chăn nuôi gà cho ông Nguyễn Tấn L1, đồng thời bà O có cho ông L1 vay tiền nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản.

[5] Bà Trần Thị Kim O xác định ông Nguyễn Tấn L1 nợ tiền mua bán thức ăn chăn nuôi và tiền vay với số tiền 223.226.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) nhưng ông L1 chỉ thừa nhận nợ với số tiền là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Tại các phiên hòa giải và đối chất, ông Nguyễn Tấn L1 xác định: Đoạn băng ghi âm do bà O cung cấp cho Tòa án là tiếng nói của ông, ông thừa nhận có nợ bà O số tiền mua thức ăn khoảng 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng) và số tiền mượn bà O là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nhưng ông L1 cho rằng việc ông thừa nhận số nợ nêu trên là do bà O nhờ công an hện ông tại quán C nên ông sợ do đó ông thừa nhận đại. Đồng thời, ông L1 xác định ông biết người công an hện ông ra quán C nhưng ông không cung cấp cho Tòa án Châu Thành vì ông không muốn gặp công an.

Ông Nguyễn Tấn L1 là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên ông phải chịu trách nhiệm với các quyết định của ông trong việc thừa nhận nợ trong băng ghi âm.

Mặt khác, ông L1 cho rằng việc ông gặp bà O là do công an hện với ông nhưng ông không cung cấp họ tên và địa chỉ theo như lời trình bày của ông. Do đó, không đủ chứng cứ xác định lời trình bày của ông L1 là đúng sự thật. Đồng thời, Quá trình tố tụng, phía bị đơn cho rằng: Việc ông L1 thừa nhận nợ của bà O là do ông Mười L2 đe dọa nhưng cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, Tòa án đã tiến hành thu nhập tài liệu, chứng cứ nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông L2 đe dọa ông L1 như phía bị đơn xác định.

Tại các tờ giấy ghi nợ việc mua bán thức ăn chăn nuôi do bà O cung cấp cho Tòa án thể hiện ông Nguyễn Tấn L1 nợ tiền của bà O số tiền là 223.226.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng), đồng thời cũng ghi số tiền ông L1 đã trả cho bà O, phù hợp với nội dung băng ghi âm. Do đó, ông L1 cho rằng ông chỉ còn nợ tiền của bà O với số tiền là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Bà Trần Thị Kim O xác định khi đối chiếu nợ thì ông L1 còn nợ tiền mua thức ăn nuôi gà là 217.226.000đ (hai trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và tiền mượn là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và ông L1 đã trả cho bà O 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Trần Thị Kim O xác định chỉ yêu cầu ông L1 trả số tiền còn nợ. Bà O không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Tấn L1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim O tiền mua bán thức ăn chăn nuôi và tiền vay với tổng số tiền là 223.226.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

[7] Án phí dân sự có giá ngạch: Bà O không phải chịu án phí, bà O đã dự nộp số tiền là 5.580.650đ (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng), được nhận lại.

Ông Nguyễn Tấn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là: 223.226.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) x 5 % = 11.161.300đ (mười một triệu một trăm sáu mươi một nghìn ba trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 357, 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim O về việc buộc ông Nguyễn Tấn L1 trả tiền mua bán tài sản và tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Tấn L1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim O tổng cộng số tiền là 223.226.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà O đã dự nộp số tiền là 5.580.650đ (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007333 ngày 15 tháng 11 năm 2016 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Ông Nguyễn Tấn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 11.161.300đ (mười một triệu một trăm sáu mươi một nghìn ba trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo

quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh (1b);
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh (2b);
- THA tỉnh Tây Ninh (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

**Diệp Song Tiền**